

Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“**Công ty**”).
- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Tại đại hội này tôi xin thay mặt ban điều hành Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện hoạt động năm 2020 và trình đại hội các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021.

Phần I :

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

I. Tình hình Công Ty năm 2020.

Năm 2020 hoạt động của Công Ty gặp nhiều khó khăn.

- Luật Dược và một số thông tư mới đã áp dụng trên phạm vi toàn quốc, nhiều thông tư hướng dẫn thay đổi, làm chậm trễ đăng ký thuốc và cấp quota, nhiều doanh nghiệp Dược sản xuất kinh doanh cũng như Công ty đang phải tìm hướng xử lý nên hoạt động cầm chừng hoặc tụt giảm.
- Dịch covid-19 làm nguyên liệu biến động lớn tăng đột biến, thiếu nguyên liệu trong sản xuất.
- Trong hoạt động kinh doanh ở các chi nhánh, hệ thống GPP dừng cấp phép mới để làm hệ thống kết nối liên thông quầy thuốc với dữ liệu Dược Quốc gia; một số quầy bán thuốc ở thành phố, thị xã không có DSDH kéo theo một số mậu dịch viên xin nghỉ bán hàng nên ảnh hưởng lớn đến doanh thu và hoạt động của Công ty.

- Mảng đấu thầu và cung ứng thuốc cho điều trị : Gặp khó khăn, doanh thu thấp; đối tác truyền thống lâu năm, có mối quan hệ lâu ngày tách ra tự đấu thầu hoặc sang các công ty khác.

- Công ty thay đổi HĐQT, cùng với do dịch nên dự án nhà máy GMP ngừng triển khai.

- Tư tưởng CBCNV và người lao động hoang mang.

- Đối với công tác sản xuất và xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt liên quan giữa các bộ ngành, phải thay đổi các hồ sơ pháp lý, chờ các thông tư hướng dẫn, Bộ Y tế mới gia hạn và cấp phép, làm ảnh hưởng tiến độ sản xuất kinh doanh.

Xác định những khó khăn như dự báo, ban điều hành Công ty đã nỗ lực cố gắng phấn đấu đánh giá tình hình thực tại của doanh nghiệp, vận hành hợp lý từng phần trong từng giai đoạn ngắn để điều hành doanh nghiệp phù hợp từng thời điểm, tháo gỡ khó khăn với mục đích giữ vững doanh nghiệp, tìm việc làm cho người lao động, cố gắng đáp ứng hiệu quả kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT

Được sự quan tâm của Hội đồng quản trị công ty; với sự quyết tâm của toàn CBCNV, năm 2020 Công ty đạt được kết quả như sau :

- Doanh thu thuần: 213,48 tỷ đồng, đạt 69,4% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 86,8%.

- Lợi nhuận trước thuế : 3,14 tỷ đồng đạt 22,2% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 107,9%.

- Thu nhập B/Q người lao động: 5.500.000 đồng/người/tháng (không kể MDV khoán).

Đánh giá hoạt động SXKD năm 2020:

- Kinh doanh : Doanh thu toàn công ty còn thấp đạt 69,4% so với kế hoạch, nguyên nhân do giảm doanh thu:

+ Ảnh hưởng dịch Covid-19.

+ Bán hàng đấu thầu vào bệnh viện, hệ thống bán lẻ các chi nhánh bị cạnh tranh lớn và các đối tác lôi kéo.

- Về hàng sản xuất : mặc dù khó khăn do việc sản xuất, do xưởng đông dưng và thực phẩm chức năng đã phải ngừng hoạt động, nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt gần như không cấp quota, hàng sản xuất đạt 87,8% so với kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận : Trong điều kiện hoạt động rất khó khăn; với quyết tâm cao, tiết kiệm chi phí trong tất cả các khâu từ văn phòng công ty đến các chi nhánh để hoàn thành kế hoạch mà HĐQT cũng như đại hội cổ đông thông qua. Song lợi nhuận thấp do công ty phải chi trả

thuế đất khu Công nghiệp bắc Vinh... cũng như việc tăng thuế đất kể từ năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Tổ chức bộ máy : Đã tái cơ cấu tổ chức các phòng ban và khu vực nhà máy theo định hướng chỉ đạo của HĐQT, hoạt động ổn định, song công việc làm và thu nhập còn quá thấp.

- Hệ thống chi nhánh : Đã được củng cố và triển khai kết nối phần mềm liên thông giữa mậu dịch viên (Quầy GPP) với Dược Quốc Gia, bước đầu tạo ổn định tâm lý cho khối Mậu dịch viên.

Phần II : Chỉ tiêu kế hoạch và phương hướng năm 2021

• Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 :

Tổng doanh thu : 225,78 tỷ đồng, trong đó:

+ Doanh thu kinh doanh Dược - VTYT : 223,13 tỷ đồng

+ Doanh thu HĐ cho thuê BĐS: 2,65 tỷ đồng

- Lợi nhuận : 8,43 tỷ đồng (không bao gồm hoạt động tài chính), trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh Dược : 6,03 tỷ đồng

+ Lợi nhuận hoạt động cho thuê BĐS: 2,4 tỷ đồng

• Phương hướng năm 2021:

Tiếp tục đẩy mạnh doanh thu bán ra trên tất cả các mảng; đánh giá tình hình khó khăn của các mảng để có giải pháp kịp thời, hợp lý và có hiệu quả.

- Đối với mảng kinh doanh: Tập trung công tác đấu thầu 2021-2022.

- Đánh giá và chọn sản phẩm phù hợp, có doanh thu cao phục vụ cho hệ thống Mậu dịch viên các chi nhánh.

+ Kêu gọi và tạo điều kiện các đối tác vào liên doanh sản xuất tại nhà máy GMP.

+ Đánh giá khả năng thị trường hàng sản xuất sự biến động giá cả để dự trữ nguyên phụ liệu hợp lý phục vụ kịp thời cho sản xuất, tăng sức cạnh tranh.

+ Tìm các giải pháp và cơ chế hợp lý để thúc đẩy bán hàng sản xuất tại các chi nhánh nội bộ và thị trường ngoại tỉnh.

+ Hoàn thiện hệ thống kết nối liên thông Dược quốc gia đối với các quầy thuộc hệ thống chi nhánh.

+ Duy trì và phát triển hệ thống bán hàng tại các chi nhánh, có chính sách phù hợp để giữ vững và phát triển.

- Đối với mảng sản xuất:

+ Bám sát, triển khai gia hạn và xin số đăng ký Cục Quản lý Dược để duy trì danh mục hàng sản xuất năm 2021 theo thông tư 44/2014 và thông tư 32 có hiệu lực từ 01/1/2021 của Bộ Y tế. Đồng thời đáp ứng quota nhập khẩu nguyên liệu phục vụ kịp thời cho nhà máy.

+ Triển khai sản xuất vật tư y tế A, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đối với mảng tài chính kế toán:
 - + Tăng cường công tác quản lý tiền, hàng ở các chi nhánh nội bộ.
 - + Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán theo yêu cầu của Ban Tài chính Tập đoàn.
 - + Có giải pháp để tăng cường thu hồi nhanh công nợ, chú ý tập trung mảng bán hàng vào khối điều trị.
- Đối với công tác tổ chức nhân sự:
 - + Khảo sát, đánh giá vị trí đất cho thuê, ký hợp đồng, gia hạn hợp đồng, giá cả phù hợp theo quy định của Chủ tịch HĐQT.
 - + Rà soát và thúc đẩy triển khai phương án trả lương hợp lý cho CBCNV để duy trì nhân sự trọng yếu của Công ty.
 - + Tiếp tục hoàn thiện việc tái cơ cấu một số chi nhánh để phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp.
 - + Bám sát và triển khai thực hiện tiến độ dự án xây dựng nhà máy sản xuất thuốc tại khu công nghiệp Bắc Vinh .



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.727.861.672	100.865.780.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.439.683.863	10.069.899.467
1. Tiền	111		8.439.683.863	10.069.899.467
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.514.290.545	39.570.740.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.341.491.893	40.196.360.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.054.539.028	509.846.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.119.421.910	478.610.815
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.001.162.286)	(1.614.077.002)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	37.402.607.664	50.101.575.296
1. Hàng tồn kho	141		37.917.626.076	50.332.921.218
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(515.018.412)	(231.345.922)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		371.279.600	1.123.565.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	147.710.079	21.628.207
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		223.569.521	1.101.341.236
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	0	596.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.602.796.499	39.636.162.013
I. Tài sản cố định	220		8.256.650.967	10.054.935.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.849.267.635	10.009.935.981
- Nguyên giá	222		49.053.979.092	49.053.979.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.204.711.457)	(39.044.043.111)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	407.383.332	45.000.000
- Nguyên giá	228		494.453.000	85.953.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.069.668)	(40.953.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	29.947.225.590	28.926.805.590
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.947.225.590	28.926.805.590
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
IV. Tài sản dài hạn khác	260		398.919.942	654.420.442
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	398.919.942	654.420.442
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.330.658.171	140.501.942.902

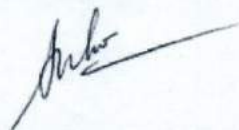
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.496.748.231	59.899.214.238
I. Nợ ngắn hạn	310		50.257.034.073	54.298.945.699
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	33.602.223.624	34.753.279.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	133.758.510	69.188.631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.445.897.202	712.618.302
4. Phải trả người lao động	314		2.427.606.335	2.728.606.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.355.093.526	970.137.837
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		194.462.203	26.181.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.054.923.767	615.701.091
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	9.730.000.000	13.806.691.261
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		313.068.906	616.541.165
II. Nợ dài hạn	330		5.239.714.158	5.600.268.539
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	4.898.714.158	5.249.268.539
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	341.000.000	351.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.833.909.940	80.602.728.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	82.833.909.940	80.602.728.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		423.999.999	423.999.999
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.176.430.973	14.609.446.986
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.233.478.968	5.569.281.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.775.504.098	3.301.345.731
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.457.974.870	2.267.935.948
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.330.658.171	140.501.942.902

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Anh Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Sỹ Hùng

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

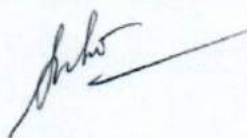
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.358.055.320	247.038.800.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	881.743.343	1.025.826.914
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	213.476.311.977	246.012.973.438
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	172.155.185.960	201.115.303.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41.321.126.017	44.897.669.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	749.763.980	1.528.207.000
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	375.198.484	1.615.875.557
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		375.198.484	1.615.445.497
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.023.283.786	23.035.262.393
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.540.623.238	19.145.033.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.131.784.489	2.629.705.715
11. Thu nhập khác	31		14.398.216	384.709.644
12. Chi phí khác	32		5.328.803	104.596.339
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9.069.413	280.113.305
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.140.853.902	2.909.819.020
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	682.879.032	641.883.072
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.457.974.870	2.267.935.948
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	409,66	377,99

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Thị Anh Phương



Phan Sỹ Hùng



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.140.853.902	2.909.819.020
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	2.206.785.014	2.227.396.384
- Các khoản dự phòng	03		(329.242.226)	1.456.651.770
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	431.108
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.444.884)	(47.538.618)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	375.198.484	1.615.445.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.368.150.290	8.162.205.161
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(12.452.267.431)	20.337.697.271
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		12.415.295.142	16.354.336.096
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(53.298.447)	(20.895.028.565)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		129.418.628	107.571.540
- Tiền lãi vay đã trả	14		(375.198.484)	(1.627.373.281)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(641.883.072)	(1.285.622.213)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(530.265.853)	(1.213.802.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.859.950.773	19.939.983.872
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.428.920.000)	(1.030.808.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0	0
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.444.884	47.538.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.403.475.116)	(983.269.564)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền thu từ đi vay	33	8.763.849.500	31.930.937.523
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.850.540.761)	(41.298.636.885)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(5.965.866.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.086.691.261)	(15.333.565.862)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(1.630.215.604)	3.623.148.446
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	10.069.899.467	6.447.182.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	(431.108)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1 8.439.683.863	10.069.899.467

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Anh Phương



Phan Sỹ Hùng



Nguyễn Văn Thảo

Số: 12/2021/BC-HĐQT

Nghệ An, ngày 12 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Dược- Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược-Vật tư Y tế Nghệ An (“Công Ty”);
- Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung chính như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình chung

- Năm 2020, tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Đứng trước tình hình đó, HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An và các quy định khác của pháp luật; phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo định hướng mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; bám sát, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời đối với Ban điều hành nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, cơ bản và chủ yếu là đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, đáp ứng đầy đủ, kịp thời, thường xuyên nhu cầu thuốc cho thị trường với cam kết chất lượng đảm bảo, giá cả ổn định, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị vì sức khỏe cộng đồng trên địa bàn tỉnh nhà và toàn quốc.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán

- Doanh thu thuần: 213,48 tỷ đồng, đạt 69,4% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 86,8%.
- Lợi nhuận trước thuế : 3,14 tỷ đồng đạt 22,2% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 107,9%.
- Thu nhập B/Q người lao động: 5.500.000 đồng/người/tháng (không kể MDV khoán).
- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 2019: 566.983.987 đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2019: 226.793.594 đồng.

- Đã thực hiện ký Hợp đồng kiểm toán số: 1220086/AISHN-TC ngày 10/12/2020 với Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM; Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Quận 3, Tp.HCM.

3. Các cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công Ty

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công Ty, ĐHĐCĐ đã tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Đức Nam và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là Ông Phạm Tuấn Linh; các thành viên HĐQT đương nhiệm của Công Ty hiện có 03 thành viên, gồm:

- Ông Đinh Văn Đông - Chủ tịch HĐQT
- Bà Trần Thị Nguyệt - Thành viên
- Ông Phạm Tuấn Linh - Thành viên

- Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thực hiện công tác chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. HĐQT đã bám sát diễn biến của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể để xây dựng kế hoạch sát với thực tế. Tất cả các cuộc họp đều được tiến hành đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty với một số nội dung chính như sau:

- Thông qua việc triệu tập và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Chủ tịch HĐQT Công ty, ông Đinh Văn Đông là Chủ tịch HĐQT Công ty thay ông Trần Đức Nam kể từ ngày 30/3/2020;
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Ban Điều hành Công ty: Miễn nhiệm bà Trương Thị Hoài Anh – Phó TGD từ tháng 10/2020; ông Nguyễn Văn Thảo tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công Ty sau khi nghỉ hưu;
- Các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT luôn đẩy mạnh hơn việc phân cấp, ủy quyền, đổi mới phương thức triển khai thực hiện theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Ban Tổng Giám đốc, đồng thời gắn trách nhiệm cụ thể đối với đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính để nâng cao tính chủ động, hiệu quả, gắn với đề cao tính trách nhiệm trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật.

- Để đảm bảo và nâng cao chất lượng các cuộc họp, tại các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các thành viên HĐQT, các tiểu ban/bộ phận liên quan thẩm định, soát xét các nội dung trình HĐQT. Trên cơ sở đó đề HĐQT đưa ra các Nghị quyết/Quyết định đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Các cuộc họp quan trọng của HĐQT có mời hoặc có sự tham gia ý kiến của Ban điều hành, Ban Kiểm soát để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các định hướng kinh doanh. Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện và chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tại Công ty nhằm mục đích tạo sự thống nhất trong chỉ đạo của HĐQT và công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ tích cực Ban điều hành hướng tới hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Các thành viên HĐQT được phân công tại các mảng công tác luôn phát huy vai trò, trách nhiệm, thường xuyên bám sát, soát xét, thẩm định các nội dung được phân công.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2020:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT Công Ty với tổng số tiền: 180.146.520 đồng, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng.

5. Đánh giá các hoạt động khác của Công ty

Hoạt động của Công ty năm 2020 và tính đến thời điểm hiện tại là vô cùng khó khăn, khi các chính sách quản lý từ vĩ mô thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Mạng đấu thầu và cung ứng thuốc cho điều trị: Gặp khó khăn, doanh thu thấp; đối tác truyền thống lâu năm tách ra tự đấu thầu hoặc sang các công ty khác.
- Hệ thống bán lẻ các Chi nhánh: tiếp tục phải đối mặt với nguy cơ lực lượng lao động chính là mậu dịch viên xin nghỉ việc. Ban Điều hành cần phải rà soát, xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút người lao động làm việc cho Công Ty.
- Về hàng sản xuất: do xưởng đông dục và thực phẩm chức năng đã phải ngừng hoạt động, nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt gần như không cấp quota, hàng sản xuất đạt 87,8% so với kế hoạch đề ra.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, người điều hành và cán bộ quản lý Công ty

- Năm 2020, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo, giám sát đồng thời song hành trong các hoạt động của Ban Điều hành. Đối với các cuộc họp liên quan đến hoạch định chính sách, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ cử đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Điều hành, các cán bộ quản lý nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty.
- Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công Ty đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, Ban điều hành cần phải nỗ lực khắc phục tình hình để tiếp tục sản xuất; Đối với lĩnh vực kinh doanh phải chủ động, linh hoạt thay đổi cơ chế kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, mở rộng liên doanh liên doanh, liên kết, đối tác khách hàng nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Ban Điều hành cần phải kịp thời báo cáo, trình HĐQT/Chủ tịch HĐQT phê duyệt các chủ trương, quyết sách để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 225,78 tỷ đồng, trong đó:
- + Doanh thu kinh doanh Dược - VTYT : 223,13 tỷ đồng;
- + Doanh thu HĐ cho thuê BĐS: 2,65 tỷ đồng;
- Lợi nhuận : 8,43 tỷ đồng (không bao gồm hoạt động tài chính), trong đó:
- + Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh Dược : 6,03 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận hoạt động cho thuê BĐS: 2,4 tỷ đồng.

2. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2021

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 dự báo vẫn tiếp tục khó khăn do dịch Covid – 19 gây ra, nhưng với mục tiêu thay đổi và đổi mới HĐQT xác định trọng tâm chỉ đạo là thay đổi và quyết liệt thay đổi, chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao.

- Về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và công tác đầu tư phát triển

- + Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng nhà máy sản xuất thuốc Đông Dược, tân dược, thực phẩm chức năng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, Tỉnh Nghệ An;
- + Chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, đặc biệt thị trường ngoại tỉnh đối với hàng Công ty sản xuất; tìm giải pháp để bù đắp kế hoạch do việc trúng thầu thấp; khắc phục tình hình để tiếp tục sản xuất.
- + Đổi mới cơ chế cung ứng hàng cho các chi nhánh, bằng mọi cách phải giữ vững và phát triển hệ thống bán lẻ tại chi nhánh.

2. Công tác tài chính

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nợ để tránh rủi ro thất thoát vốn, bổ sung hoàn thiện các qui định quản lý tài chính triển khai xây dựng các định mức chi phí hợp lý tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu các chính sách về cơ chế bán hàng nội, ngoại tỉnh; cơ chế quản lý chi nhánh.

3. Các công tác khác

+ Tiếp tục rà soát để xây dựng và sửa đổi, hoàn thiện quy chế, quy định nội bộ trong Công ty để đảm bảo yêu cầu về quản lý và quá trình vận hành hoạt động SXKD của Công ty được ổn định và phát triển.

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định ĐHĐCĐ giao phó.
- HĐQT Công ty tăng cường giám sát, phối hợp và chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
- Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi; Quy chế hoạt động HĐQT phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

III. Kết luận: Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An năm 2020; kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua toàn văn báo cáo.

Hội đồng quản trị xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của các Quý vị cổ đông, đặc biệt là các Quý cổ đông lớn; toàn bộ cán bộ nhân viên, sự hỗ trợ của các ban, ngành, các đối tác để Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế có thêm động lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, xin kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Nhu
- HĐQT, BKS
- Lưu HĐQT, VT



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC -
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Số: 07/2021/BC - BKS



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. HCM.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An xin báo cáo trước Đại hội cổ đông các nội dung chính như sau:

I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

1. Về thù lao Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua dự toán mức thù lao Ban kiểm soát. Mức thù lao này được áp dụng ổn định cho các thành viên BKS trong năm 2020, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/người/tháng

2. Các cuộc họp, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành;
- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật Nhà nước;
- Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tại Công ty theo chương trình làm việc của Ban kiểm soát;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp để Công ty khắc phục kịp thời đảm bảo

các báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Tình hình tài chính của Công ty năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Chênh lệch	%Chênh lệch
		1	2	3=1-2	4=3/2
A	Tổng tài sản	138,33	140,50	-2,17	-1,54%
1	Tài sản ngắn hạn	99,73	100,86	-1,13	-1,12%
2	Tài sản dài hạn	38,60	39,64	-1,04	-2,62%
B	Tổng nguồn vốn	138,33	140,50	-2,17	-1,54%
1	Nợ phải trả	55,50	59,90	-4,4	-7,35%
	- Nợ ngắn hạn	50,26	54,30	-4,04	-7,44%
	- Nợ dài hạn	5,24	5,60	-0,36	-6,43%
2	Vốn chủ sở hữu	82,83	80,60	2,23	2,77%

Về biến động tài sản, nguồn vốn trong năm: Tổng tài sản, nguồn vốn vào thời điểm cuối năm giảm 1,54% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do Hàng tồn kho của Công ty thiếu nguyên vật liệu để sản xuất (không đặt hàng kịp, một số nguyên vật liệu không nhập khẩu được), công nợ phải trả người bán và nợ vay giảm. Theo đó tổng tài sản và tổng nguồn vốn cũng giảm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% thực hiện KH2020	% Tăng trưởng
		(1)	(2)	(3)	(4)=(1)/(3)	(5)=(1)/(2)
1	Doanh thu thuần	213,48	246,01	307,51	69,4%	86,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	3,14	2,91	14,17	22,2%	107,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,46	2,27			108,4%
4	Biên LNST/Vốn điều lệ	4,1%	3,8%			107,9%

Trong năm 2020, doanh thu chỉ đạt 69,4% kế hoạch năm 2020, bằng 86,8% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 22,2% kế hoạch năm 2020, bằng 107,9% so với năm 2019.

Tình hình kết quả kinh doanh trong năm 2020 không đạt chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của dịch COVID19 nên công tác bán hàng không được ổn định, doanh thu giảm (giảm chủ yếu hàng sản xuất và gia công ở kênh OTC). Ngoài ra, việc nhập khẩu nguyên vật

liệu sản xuất bị gián đoạn, ảnh hưởng đến sản xuất, cụ thể: Nhóm Nguyên liệu kiểm soát đặc biệt (chiếm 27% - 30% doanh số) Bộ y tế hạn chế cấp Quota nhập khẩu và một số sản phẩm bán kèm bị giảm, công tác đặt hàng của công ty chưa kịp thời dẫn đến thiếu một số NVL để sản xuất. Ngoài ra một số sản phẩm không được cấp phép để sản xuất tiếp.

- Giảm số lượng MDV/Đại lý: 552 đối tượng so với năm 2019 (Năm 2019: 620 đại lý, 460 MDV; Năm 2020: 528 MDV, không còn đại lý). Số đại lý giảm do không đạt điều kiện kết nối liên thông quầy thuốc theo quy định.

3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. HCM với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.

III. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật. Công ty thực hiện chấp hành đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT tổ chức họp định kỳ và bất thường do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Ban kiểm soát tham gia trong các cuộc họp triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông; Thảo luận và quyết nghị những vấn đề quan trọng, giải quyết những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban kiểm soát ghi nhận HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các cổ đông, HĐQT, Ban điều hành, các cán bộ quản lý. Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu. AV

VI. KIẾN NGHỊ

- Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, mở rộng và phát triển hàng sản xuất của Công ty ra thị trường ngoại tỉnh nhằm phát triển thương hiệu của Công ty cũng như đem lại lợi ích cho các cổ đông.
- Xây dựng các chính sách bán hàng và cơ chế quản lý để nâng cao sức cạnh tranh tại địa bàn bán lẻ và đấu thầu vào các cơ sở điều trị trong và ngoại tỉnh.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công nợ để tránh rủi ro thất thoát vốn.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần tiếp tục tổ chức lại bộ máy quản lý, sản xuất, nhân sự các phòng ban, chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể xảy ra theo các kiến nghị, hướng dẫn của Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát tại các đợt kiểm soát định kỳ trong năm 2020 tại Công ty.

VII. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội Đồng Quản trị.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, khai thác tài sản trong năm 2021.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban, đơn vị trực thuộc để triển khai, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hiệu quả hơn.

Ban kiểm soát xin cảm ơn Quý vị Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/Ban đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

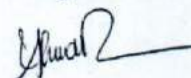
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội Cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng BKS



Bùi Thị Thuận

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua quyết toán thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2020
và kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua quyết toán thù lao năm 2020 đối với thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") và kế hoạch thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công Ty năm 2021, cụ thể như sau:

1. Quyết toán thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Công Ty năm 2020 là: **268.212.454** đồng.
 - 1.1 Tổng thù lao HĐQT năm 2020: **180.146.520** đồng/năm.
 - 1.2 Tổng thù lao BKS năm 2020: **88.065.934** đồng/năm.
2. Dự toán thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công Ty năm 2021 như sau :
 - 2.1 Hội đồng quản trị :
 - + Chủ tịch HĐQT: **5.000.000** đồng/tháng.
 - + Thành viên HĐQT: **3.000.000** đồng/tháng.
 - 2.2 Ban kiểm soát :
 - + Trưởng BKS: **3.000.000** đồng/tháng.
 - + Thành viên BKS: **1.500.000** đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công Ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược – VTYT Nghệ an kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	2.457.974.870
2	Phân phối lợi nhuận	860.291.205
2.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	245.797.487
2.2	Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	614.493.718
3	Chia cổ tức	0
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.597.683.665

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020 của Công Ty là: 1.597.683.665 đồng để dự phòng tài chính cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư dự án của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**
Số: 15/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện trong công tác kiểm toán đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty và nhằm minh bạch cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công Ty, Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

- Căn cứ vào danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo Danh mục của Bộ tài chính có các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công Ty sau khi đã có ý kiến đề xuất của Ban kiểm soát và theo tiêu chí danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“*Công Ty*”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“*HDQT*”) số 08/NQ-HĐQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công Ty (*Dự thảo đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công Ty và thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Số: 17/2021/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“*Công Ty*”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“*HDQT*”) số 08/NQ-HĐQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“*ĐHĐCĐ*”) của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung (*Dự thảo đính kèm*).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
Số: 18/2021/TT-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“Công Ty”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“HDQT”) số 08/NQ-HDQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty (Dự thảo đính kèm).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/3/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHCD thường niên năm 2020;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Đinh Văn Đông;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau :

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018- 2023 đối với Ông Đinh Văn Đông.
2. Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công Ty cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2018- 2023 là 01 thành viên thay thế 01 thành viên đã từ nhiệm.
3. Căn cứ vào hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT Công Ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC -
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Số: 03/2021/TT-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021



TỜ TRÌNH

(V/v: ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("**Công Ty**");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HDQT**") số 08/NQ-HDQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty, BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ("**ĐHĐCĐ**") của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty (*Dự thảo đính kèm*).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban kiểm soát Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

BÙI THỊ THUẬN



Nghệ An, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An)

CHƯƠNG 1.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công Ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An.
- b) “Quản trị Công Ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công Ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông, người lao động và những người liên quan đến Công Ty.
- c) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty cổ phần
- d) “Cấp có thẩm quyền” được hiểu là ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công Ty tùy từng trường hợp cụ thể.
- e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- f) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- g) “Người đại diện theo ủy quyền” được hiểu là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Công Ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Cổ đông đó tại Công Ty theo quy định Pháp luật.

- h) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
- i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
- j) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công Ty;
- l) “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công Ty;
- m) “BKS” là Ban kiểm soát Công Ty;
- n) “Pháp luật” được hiểu là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật có liên quan được ban hành, công bố và áp dụng đối với Công Ty tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, các nguyên tắc quản trị gồm:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai, minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

CHƯƠNG 2.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

đ) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;

f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;

p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị các nội dung sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông, được công bố trên website của Công Ty, gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và công bố thông tin theo quy định.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông có quyền dự họp là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công Ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ.

- Các tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần trong thời gian từ ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công Ty thì người nhận chuyển nhượng không được tham dự, phát biểu và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ tại thời điểm đó.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (nếu có) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- Phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công Ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 8. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thư mời họp, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi bằng đường bưu điện hoặc gửi thư điện tử cho Công Ty trước thời hạn ghi trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết trong suốt quá trình diễn ra Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân, Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) theo quy định của Công Ty.
4. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông đã làm các thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký tham dự và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tham dự đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định

họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 23, 24 Điều lệ Công Ty.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội:

a. Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Thẻ biểu quyết hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Công Ty được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội.

b. Tại mỗi kỳ họp, Đại hội đồng cổ đông quyết định cách thức bỏ phiếu tại Đại hội như sau:

(i) Sử dụng hai loại Thẻ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Thẻ biểu quyết chung đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết chung có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết này có các thông tin về: mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội, các nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông Công Ty.

(ii) Sử dụng một loại Thẻ biểu quyết chung tại đại hội: các cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết chung để biểu quyết tất cả các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình gồm:

- Biểu quyết tán thành hoặc
- Biểu quyết không tán thành hoặc
- Biểu quyết không có ý kiến.

2. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương

án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Bỏ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

4. Mỗi Thẻ biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc.

2. Sau khi kết thúc việc giao Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

3. Trường hợp thu Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu vào hòm phiếu được Ban tổ chức chuẩn bị và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết, bầu cử và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu gồm:

- Tổng số phiếu phát ra, Tổng số phiếu thu về;
- Tổng số phiếu hợp lệ, Tổng số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu có ý kiến khác đối với từng vấn đề.
- Các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, không thông qua theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm phiếu và Thư ký. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều lệ Công Ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông tham dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên

quan của kỳ họp đại hội cổ đông gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
2. Công Ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Trình tự, thủ tục lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 147 và Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, Điều 24 Điều lệ Công Ty.
4. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
6. Quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 17: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.

CHƯƠNG 3.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết

định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
2. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị Công Ty theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Công Ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị Công Ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử người vào HĐQT theo quy định.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên bầu vào HĐQT trước khi tiến hành bầu cử theo quy định pháp luật.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên HĐQT, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước

khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên HĐQT, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên HĐQT cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào HĐQT Công Ty.

3. Cách thức bầu cử thành viên HĐQT:

- Bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.

- Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

+ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên HĐQT và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công Ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay

thể thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải có các nội dung cơ bản sau:

- Danh sách các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;
- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung;
- Điều kiện để trở thành thành viên HĐQT;
- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên HĐQT;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng viên thành viên HĐQT và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên tham gia HĐQT của các cổ đông.

CHƯƠNG 4.

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 26. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu HĐQT thấy cần thiết) và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu lại trong số họ và chọn một (01) người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công Ty hoặc nơi khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT cho Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý của Công Ty;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thông báo mời họp HĐQT:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

6. Hình thức cuộc họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tổ chức họp trực tiếp hoặc dưới hình thức khác như: họp trực tuyến, ; hình thức liên lạc điện thoại hoặc hình thức điện tử khác... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức liên lạc điện thoại hoặc họp trực tuyến, hoặc hình thức điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 27. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 28. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 18 Điều lệ Công Ty;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử

khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Các quyết định và Nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

3. Thành viên HĐQT không trực tiếp tham dự có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp, phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp. Trường hợp Phiếu biểu quyết không được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định trên, Phiếu biểu quyết này vẫn có giá trị nếu đa số Thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp không phản đối.

4. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Thành viên HĐQT liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

2. Các thành viên HĐQT có thể được lưu giữ bản gốc Biên bản cuộc họp HĐQT nếu có yêu cầu và được Chủ tịch HĐQT chấp thuận.

3. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công Ty.

Điều 30. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quyết định/Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT tới các Trưởng BKS và Ban Tổng Giám đốc để nắm thông tin, triển khai thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua (nếu cần thiết).

CHƯƠNG 5.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Điều lệ Công Ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát Công Ty theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Công Ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch HĐQT/Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công Ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 34. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Các thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên BKS, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
3. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên BKS, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên BKS cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên BKS để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào BKS Công Ty.
4. Cách thức bầu cử thành viên BKS:
 - Bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.
 - Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:
 - + Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên BKS và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công Ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải có các nội dung cơ bản sau:

- Số lượng thành viên BKS miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;
- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung;
- Điều kiện để trở thành thành viên BKS;
- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên BKS;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên BKS;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng cử nếu tham BKS và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia BKS.

Điều 37. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công Ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

2. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập kế hoạch của BKS phù hợp với các nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện việc kiểm tra thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm; có trách nhiệm báo cáo hoạt động của BKS trước ĐHĐCĐ.

3. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công Ty, Điều 170, Điều 171, Điều 173 Luật doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần/năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

5. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

5. Ban kiểm soát có quyền tham dự, phát biểu, thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

Điều 38. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT bao gồm tiểu ban về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và bất kỳ lĩnh vực nào khác tại từng thời điểm.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ yêu cầu thực tế của công việc và có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên khác.

2. HĐQT quyết định chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban và phê duyệt quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên trên cơ sở đề xuất của Trưởng tiểu ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

3. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4 Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 39. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

Điều 40. Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

CHƯƠNG 6.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 42. Các tiêu chuẩn lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công Ty.

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 64 Luật doanh nghiệp.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công Ty, Công Ty được tuyển dụng cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu do Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT quy định. Cán bộ quản lý phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. HĐQT/Chủ tịch HĐQT sẽ quy định các tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công Ty ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này của Công Ty tại từng thời điểm để phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công Ty.

Điều 43. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và người quản lý Công Ty

1. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm TGD mới khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với người điều hành khác của Công Ty theo thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 44. Các trường hợp cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công Ty

1. Tổng Giám đốc Công Ty bị cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc các trường hợp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công Ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong nội bộ Công Ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 7.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công ty con, Công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 47. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công Ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp gồm:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người liên quan của họ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
3. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG 8.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Công Ty.

1. Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty.

2. Trong trường hợp cần có sự tham gia hợp của HĐQT và BKS, Tổng Giám đốc gửi Giấy mời họp tới Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban BKS để mời tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT chủ động phân công các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của HĐQT Công Ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát chủ động phân công các thành viên BKS tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của BKS Công Ty.
5. Cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc được ghi biên bản (nếu cần thiết), lưu trữ biên bản họp cùng các tài liệu liên quan theo quy định của Công Ty.
6. Kết thúc cuộc họp, Tổng Giám đốc gửi biên bản cuộc họp tới các cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện, gửi Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS tham gia họp để báo cáo.

Điều 49. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.

Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc (đối với các nội dung liên quan) trong vòng tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 50. Các trường hợp Tổng giám đốc và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Tổng Giám đốc và đa số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Các vấn đề cần xin ý kiến phải thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, nếu thấy không cần thiết phải tiến hành họp, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời, phân tích rõ lý do từ chối.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 51. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS Công Ty.

1. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Tổng Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công Ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.
2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công Ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Công Ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công Ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách,

hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 52. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 53. Phối hợp công việc của Tổng Giám đốc và BKS Công Ty.

1. BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Công Ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Công Ty.

2. Trưởng BKS thông báo Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Tổng Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS.

4. Trong quá trình kiểm tra, Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty.

5. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Tổng Giám đốc, HĐQT để biết thông tin.

6. Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Công Ty để Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công Ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để nắm thông tin và triển khai chi đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.

CHƯƠNG 9.

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 54. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công Ty và cổ đông.

Điều 55. Đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên HĐQT đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Chủ tịch HĐQT giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên HĐQT theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.
3. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 56. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS

1. Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên BKS đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Trưởng BKS giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Trưởng BKS quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên BKS theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.
3. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

Điều 57. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công Ty.

1. Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công Ty thực hiện đánh giá hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định của Công Ty.
2. Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công Ty theo thẩm quyền quyết định tại Điều lệ Công Ty và quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, người quản lý khác của Công Ty trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được, mức độ hoàn thành kế hoạch ngân sách năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và báo cáo đánh giá của BKS về kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG 10.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị của Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật về Điều lệ Công Ty.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật có quy định mới khác với quy định tại Quy chế thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Hiệu lực

Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 59 điều được ĐHCĐ Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày ... thángnăm 2021.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Đính kèm Tờ trình số .../2021/TT- HĐQT ngày .../.../2021 của HĐQT Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An)

* Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung đã sắp xếp lại các điều khoản và điều chỉnh lại câu từ cho phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 3/12/2020 và áp dụng theo Quy chế quản trị nội bộ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn áp dụng một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 3/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.



STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Bổ sung đối tượng áp dụng
2.	Không quy định	Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau: 2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm; e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	Bổ sung theo quy định Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền</p> <p>2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
3.	Không quy định	Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung phù hợp quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.</p>	
4.	<p>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.</p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
5.	<p>Không có quy định</p>	<p>Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba</p>	Bổ sung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 23, 24 Điều lệ Công Ty.</p>	
6.	<p>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu</p>	<p>Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>3. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giờ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giờ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giờ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ. - Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung cổ đông chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và 	<p>Bổ sung khoản 3 về các cách thức bỏ phiếu biểu quyết.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
7.	<p>Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>ghi rõ họ tên của đại biểu.</p> <p>- Bộ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
8.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác</p> <p>1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.</p>	
9.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền</p>	Bổ sung phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
10.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
11.	<p>Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định về bầu bổ sung thành viên HĐQT</p>
12.	<p>Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 phù hợp với thời hạn gửi thông báo mời họp</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.</p>	<p>HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.</p>	<p>cho cổ đông theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
13.	<p>Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Mỗi thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này</p>	<p>Điều 28. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 32 Điều lệ Công Ty;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung khoản 1, khoản 6 phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
14.	<p>Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
15.	<p>Không quy định</p>	<p>quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.</p> <p>Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên</p> <p>1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.</p> <p>i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 46 Điều lệ Công Ty.</p> <p>4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.</p>	
16.	<p>Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.</p> <p>1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.</p>	<p>Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi một (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.</p>	Sửa đổi khoản 1 phù hợp với quy định về thông báo mời họp theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020.
17.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 40. Người phụ trách quản trị Công Ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
18.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyên dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>Bổ sung theo quy định điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tế tại Công Ty.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	
19.	Điều 38. Giao dịch với người có liên quan	<p>Điều 47. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công ty con, Công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	Bổ sung thêm quy định này để phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP
20.	Không quy định	<p>Điều 52. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p> <p>1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp</p>	Đề nghị sửa theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;</p> <p>b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.</p> <p>Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>2. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:</p> <p>a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p> <p>b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p>	
21.	Không quy định	Điều 54. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công Ty và cổ đông.</p>	
22.	<p>Điều 49. Hiệu lực</p> <p>Quy chế này gồm 10 chương 49 điều được ĐHDCĐ Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày 04 tháng 05 năm 2018.</p>	<p>Điều 59. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 59 điều được ĐHDCĐ Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày ... thángnăm 2021.</p>	Sửa đổi để cập nhật các chương, điều của Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung